TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2026/HS-ST
Ngày: 16/01/2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Xuân Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Rồi

2. Bà Mai Thị Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Lê Văn Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 16/01/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ: Số 77B, tỉnh lộ 8, xã Tân An Hội, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 302/2025/HSST ngày 29 tháng 10 năm 2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 351/2025/QĐXXST-HS ngày 11/11/2025 và quyết định hoãn phiên toà số: 528/2025/HSST-QĐ ngày 30/12/2025 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: Liêu Gia T, sinh ngày 26/3/1997; Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Căn cước công dân số: X, cấp ngày Y, tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; Đăng ký thường trú: Ấp C, xã T, huyện C (nay là xã C), Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở hiện tại: 17.12A, lầu 17, tháp A2, chung cư W, khu phố 9, thị trấn T, huyện B (nay là xã T), Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Cơ điện lạnh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Liêu Chí Q và bà Lý Thị N; Hoàn cảnh gia đình: Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 29/5/2025, bị cáo bị Toà án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi", thời hạn tù tính từ ngày 24/8/2024. Bị cáo đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam Huy Khiêm, tỉnh Lâm Đồng.

Bị cáo bị bắt tạm giữ chuyển tạm giam trong vụ án khác từ ngày 24/8/2024 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Họ và tên: Đỗ Văn T1 (tên gọi khác: V), sinh ngày 23/12/1997; Nơi sinh:

Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Căn cước công dân số: X; Nơi đăng ký thường trú: Ấp C, xã T, huyện C (nay là xã C), Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở hiện tại: Ấp C, xã T, huyện C (nay là xã C), Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lái xe dịch vụ; trình độ học vấn: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Đỗ Văn T và bà Phan Thị Hương L; Hoàn cảnh gia đình: Anh chị em ruột có 02 người kể cả bị cáo, bị cáo có vợ tên Trần Mai Phương T (đã ly hôn) và 01 con sinh 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất nhập cảnh, bị cáo hiện có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1972; CCCD số X, cấp ngày 01/5/2021; Đăng ký thường trú: Tổ 08, ấp C, xã T, huyện C (nay là xã C), Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: Số 03, đường N, ấp C, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Mai Hữu T, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số 464, tỉnh lộ 8, tổ 11, ấp 3, xã P, huyện C (nay là xã C), Thành phố Hồ Chí Minh; (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2/ Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số 91, tỉnh lộ 15, ấp 1A, xã T, huyện C (nay là xã P), Thành phố Hồ Chí Minh; (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

3/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số 589/1A, quốc lộ 22, tổ 09, khu phố 5, thị trấn C, huyện C (nay là xã T), Thành phố Hồ Chí Minh; (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Nguyễn Văn P là chủ hộ kinh doanh cửa hàng điện máy "Hồng P", tại địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C (nay là xã C), Thành phố Hồ Chí Minh. Từ năm 2015, khi có khách hàng đến mua máy lạnh thì ông P thuê bị cáo Liêu Gia T đi lắp ráp máy lạnh cho khách hàng và T được ông P trả tiền công.

Khoảng tháng 9/2020, bị cáo T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản (là máy lạnh các loại, cuộn dây đồng) đi bán lấy tiền tiêu xài, nên đưa ra thông tin gian dối là có người quen đang thi công trình tại khu công nghiệp Tân Phú Trung và công trình nhà xưởng tại thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh để ông P tin là bị cáo cần mua số lượng lớn máy lạnh, cuộn dây đồng từ cửa hàng ông P. Theo thỏa thuận, ông P sẽ giao máy lạnh và cuộn dây đồng cho bị cáo T đi lắp đặt các công trình và bị cáo T sẽ thanh toán tiền sau cho ông P. Từ ngày 14/9/2020 đến ngày 23/3/2021, bị cáo T đã dùng thủ đoạn gian dối nêu trên để nhiều lần đến cửa hàng của ông P lấy máy lạnh và cuộn dây đồng với số lượng: 26 máy lạnh hiệu Daikin và 11 máy lạnh hiệu Panasonic; 51 cuộn dây đồng loại 1HP, 41 cuộn dây đồng loại 1,5HP và 01 ti vi Sony 55 inch để đi lắp đặt; với tổng giá trị thành tiền là: 514.780.000 đồng. Đến khoảng đầu tháng 4/2021, ông P yêu cầu bị cáo T thanh toán tiền thì bị cáo thừa

nhận đã nói dối với ông P để ông P tin tưởng giao máy lạnh, cuộn dây đồng và ti vi cho bị cáo, thực tế bị cáo không có người quen đang thi công công trình mà bị cáo lấy máy lạnh, cuộn dây đồng và ti vi từ cửa hàng ông P mang đi bán lấy tiền tiêu xài.

Quá trình tố tụng và tại phiên toà, bị cáo T khai nhận chiếm đoạt máy lạnh, cuộn dây đồng và ti vi đem bán tại 03 cửa hàng, gồm: Cửa hàng điện máy "Gia P" của ông Mai Hữu T, tại: Số 464, tỉnh lộ 8, ấp 3, xã P, huyện C (nay là xã C), Thành phố Hồ Chí Minh; cửa hàng điện lạnh "Thành C" của anh Nguyễn Ngọc S, địa chỉ: Số 91, tỉnh lộ 15, ấp 1A, xã T, huyện C (nay là xã P), Thành phố Hồ Chí Minh; cửa hàng điện lạnh "Gia N" của anh Nguyễn Văn T, tại địa chỉ: Số 589/A1, quốc lộ 22, khu phố 5, thị trấn C, huyện C (nay là xã T) Thành phố Hồ Chí Minh và 01 cửa hàng không rõ địa chỉ ở thị trấn Hóc Môn (bán 02 máy lạnh). Ngoài ra, bị cáo T tự lấy máy lạnh, cuộn dây đồng và ti vi đi bán một mình cho khách hàng mua trên mạng (không rõ lai lịch). Số tiền bán máy lạnh, cuộn dây đồng và ti vi thì bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết. Do bị cáo T không có khả năng khắc phục nên ngày 13/4/2021, ông P làm đơn tố cáo hành vi của bị cáo T đến Công an xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi (nay là xã Củ Chi), Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình tố tụng và tại phiên toà, bị cáo Đỗ Văn T1 khai nhận hành vi: Bị cáo T1 là bạn bè thân thiết của bị cáo T. Từ khoảng tháng 9/2020, bị cáo T1 được bị cáo T thuê chở hàng là máy lạnh và cuộn dây đồng đến các cửa hàng điện máy, điện lạnh nêu trên bằng xe ô tô tải biển số 51D-244.23, xe ô tô tải do bị cáo T1 mượn của anh Nguyễn Mạnh H (sinh năm: 1992; nơi thường trú: Số 89 quốc lộ 22, ấp Trạm Bơm, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh) và bằng xe gắn máy (không rõ biển số) của T1. Mỗi lần chở bằng xe gắn máy xong thì bị cáo T trả tiền công cho T1 150.000 đồng bằng xe ô tô tải trả tiền công là 300.000 đồng và dẫn bị cáo T1 đi ăn uống. Qua nhiều lần chở cho bị cáo T thì bị cáo T1 biết rõ T lừa dối ông P chiếm đoạt máy lạnh, cuộn dây đồng đem bán lấy tiền tiêu xài. Bị cáo T2 xác định cùng T thực hiện 10 lần vận chuyển tài sản của ông P đem bán, 04 lần chở cuộn dây đồng được T trả 600.000 đồng và 06 lần vận chuyển máy lạnh bằng ô tô tải được T trả 1.800.000 đồng. Bị cáo T1 biết rõ tài sản do bị cáo T chiếm đoạt của ông P đem bán và cùng thực hiện từ lần thứ 05 đến lần thứ 10, cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 22/11/2020, bị cáo T1 dùng xe ô tô tải biển số 51D-244.23 cùng với T chiếm đoạt chở 01 bộ máy lạnh hiệu Panasonic 1HP.

Lần thứ hai: Ngày 22/11/2020, bị cáo T1 dùng xe ô tô tải biển số 51D-244.23 cùng với T chiếm đoạt chở 02 bộ máy lạnh hiệu Dakin 1HP.

Lần thứ ba: Ngày 26/11/2020, bị cáo T1 dùng xe ô tô tải biển số 51D-244.23 cùng với T chiếm đoạt chở 01 bộ máy lạnh hiệu Panasonic 1HP.

Lần thứ tư: Ngày 29/11/2020, bị cáo T1 dùng xe ô tô tải biển số 51D-244.23 cùng với T chiếm đoạt chở 01 bộ máy lạnh hiệu Panasonic 1HP.

Lần thứ năm: Ngày 04/12/2020, T1 dùng xe ô tô tải biển số 51D-244.23 cùng với T chiếm đoạt chở 01 bộ máy lạnh hiệu Panasonic 1HP.

Lần thứ sáu: Ngày 08/12/2020, T1 dùng xe ô tô tải biển số 51D-244.23 cùng với T chiếm đoạt chở 01 bộ máy lạnh hiệu Panasonic 1HP.

Ngày 11/12/2024, bị cáo T1 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi tự nguyện giao nộp tổng số tiền 2.400.000 đồng (là tiền tổng cộng bị cáo Thuận trả cho bị cáo T1 khi vận chuyển máy lạnh kèm ống dây đồng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong Tố tụng hình sự số 156/KL-HĐĐGTA ngày 31/8/2021, kết luận tổng giá trị tài sản là 493.880.000 đồng (bốn trăm chín mươi ba triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng). Kết quả định giá tài sản cụ thể như sau:

+ 09 (chín) bộ máy lạnh hiệu Panasonic loại 1HP, số tiền 8.700.000đ/máy, thành tiền là 78.300.000 đồng.

+ 02 (hai) bộ máy lạnh hiệu Panasonic loại 1.5HP, số tiền 10.800.000đ/máy, thành tiền là 21.600.000 đồng.

+ 09 (chín) bộ máy lạnh hiệu Daikin loại 1HP, số tiền 8.800.000đ/máy, thành tiền là 79.200.000 đồng.

+ 01 (một) bộ máy lạnh hiệu Daikin loại 1.5HP, số tiền 10.800.000đ/máy. Thành tiền là 10.800.000 đồng.

+ 03 (ba) bộ máy lạnh hiệu Daikin loại 1.5HP (hàng nhập), số tiền 10.900.000đ/máy, thành tiền là 32.700.000 đồng.

+ 03 (ba) bộ máy lạnh hiệu Daikin KC loại 1HP, số tiền 9.700.000đ/máy, thành tiền là 29.100.000 đồng.

+ 03 (ba) bộ máy lạnh hiệu Daikin KC loại 1.5HP, số tiền 9.700.000đ/máy, thành tiền là 29.100.000 đồng.

+ 01 (một) bộ máy lạnh hiệu Daikin KS loại 2HP, số tiền 20.600.000đ/máy, thành tiền là 20.600.000 đồng.

+ 01 (một) bộ máy lạnh hiệu Daikin KA loại 1HP (hàng nhập), số tiền 12.600.000đ/máy, thành tiền là 12.600.000 đồng.

+ 05 (năm) bộ máy lạnh hiệu Daikin loại 1.5HP (hàng nhập), số tiền 13.000.000đ/máy, thành tiền là 65.000.000 đồng.

+ 01 (một) cái Tivi 55 inch, hiệu Sony, số tiền 15.700.000đ/máy.

+ 51 (năm mươi mốt) cuộn dây đồng máy lạnh loại 1HP (15m/1 cuộn), số tiền 980.000đ/cuộn, thành tiền là 49.980.000 đồng.

+ 41 (bốn mươi mốt) cuộn dây đồng máy lạnh loại 1.5HP (15m/1 cuộn), số tiền 1.200.000đ/cuộn, thành tiền là 49.200.000 đồng.

Quá trình tố tụng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi tiến hành cho bị cáo T1 xác nhận số lần và tài sản chiếm đoạt của ông P, đối chất với Liêu Gia T và bị cáo T1 xác định hành vi và hậu quả thiệt hại tài sản do bị cáo T1 cùng bị cáo T gây ra cho ông P.

Về dân sự: Quá trình tố tụng, bị cáo Đỗ Văn T1 cùng gia đình đã tự nguyện khắc phục dân sự cho ông P số tiền 150.000.000 đồng. Tại phiên toà, ông Nguyễn Văn P yêu cầu bị cáo Đỗ Văn T1 tiếp tục bồi thường cho ông số tiền 50.000.000 đồng và yêu cầu bị cáo Liêu Gia T bồi thường cho ông số tiền còn lại là 314.780.000 đồng. Bị cáo T và bị cáo T1 đồng ý bồi thường số tiền theo yêu cầu của ông P.

Về vật chứng:

- Các vật chứng chưa thu hồi được: 09 (chín) máy lạnh hiệu Panasonic loại 1HP; 02 (hai) máy lạnh hiệu Panasonic loại 1.5HP; 09 (chín) máy lạnh hiệu Daikin loại 1HP; 01 (một) máy lạnh hiệu Daikin loại 1.5HP; 03 (ba) máy lạnh hiệu Daikin loại 1.5HP; 03 (ba) máy lạnh hiệu Daikin KC loại 1HP; 03 (ba) máy lạnh hiệu Daikin KC loại 1.5HP; 01 (một) máy lạnh hiệu Daikin KS loại 2HP; 01 (một) máy lạnh hiệu Daikin KA loại 1HP (hàng nhập); 05 (năm) máy lạnh hiệu Daikin loại 1.5HP (hàng nhập); 01 (một) Tivi 55 ink hiệu Sony; 51 (năm mươi mốt) cuộn dây ống kim loại bằng đồng loại 1HP (15m/cuộn); 41 (bốn mươi mốt) cuộn dây ống kim loại bằng đồng loại 1.5HP (15m/cuộn).

+ Tạm giữ của bị cáo Đỗ Văn T1 số tiền: 2.400.000 đồng.

+ 01 xe ô tô tải biển số 51D-244.23 do ông Nguyễn Mạnh H (sinh năm: 1992; nơi thường trú: Số 89 Quốc lộ 22, ấp T, xã T, huyện C, TP. Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện tại: Số 8, đường G, ấp C, xã T, huyện C, TP. Hồ Chí Minh) đứng tên đăng ký và sử dụng từ năm 2018 đến nay, mục đích sử dụng chở thịt heo bán ở chợ Tân Phú Trung. Ông H khai nhiều lần cho Đỗ Văn T1 mượn xe nhưng không biết T1 sử dụng xe ô tô tải để chở hàng hóa chiếm đoạt của người khác mang đi bán. Hiện tại xe ô tô tải biển số 51D-244.23, ông H đang quản lý, sử dụng.

+ Đối với 01 xe máy (không rõ biển số), bị cáo T đã bán không thu hồi được.

Tại bản cáo trạng số 302/CT-VKS.CC ngày 29/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh) đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử: Liêu Gia T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và Đỗ Văn T1 về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội:

Từ ngày 14/9/2020 đến ngày 23/3/2021, tại Cửa hàng điện máy "Hồng P", tại địa chỉ: Ấp C (nay là ấp C A), xã T, huyện C (nay là xã C), Thành phố Hồ Chí Minh; Liêu Gia T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản, dùng thủ đoạn đưa ra thông tin gian dối là có các công trình thi công tại công nghiệp Tân Phú Trung và công trình nhà xưởng ở thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh để tạo lòng tin với ông Nguyễn Văn P. T đã nhiều lần tự mình hoặc cùng với Đỗ Văn T1 đến cửa hàng mua máy lạnh, cuộn dây đồng và ti vi để thi công nhưng thực tế Thuận không có người quen thi công công trình mà T lấy máy lạnh, cuộn dây đồng, ti vi từ cửa hàng ông P mang đi đến các của hàng điện máy khác để bán, nhằm chiếm đoạt tiền, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 493.880.000 đồng.

Đỗ Văn T1 biết rõ T lừa dối ông P để chiếm đoạt máy lạnh, cuộn dây đồng đem bán lấy tiền tiêu xài nhưng T1 đã giúp sức cho T thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản từ lần thứ 5 đến lần thứ 10, cụ thể: Ngày 22/11/2020, T1 cùng với T chiếm đoạt 01 bộ máy lạnh hiệu Panasonic 1HP (trị giá 8.700.000đ/máy); ngày 22/11/2020, T1 cùng với T chiếm đoạt 02 bộ máy lạnh hiệu Dakin 1HP (trị giá 8.800.000đ/máy); ngày 26/11/2020, T1cùng với T chiếm đoạt 01 bộ máy lạnh hiệu Panasonic 1HP (trị giá 8.700.000đ/máy); ngày 29/11/2020, T1 cùng với T chiếm đoạt 01 bộ máy lạnh hiệu Panasonic 1HP (trị giá 8.700.000đ/máy); ngày

04/12/2020, T1 cùng với T chiếm đoạt 01 bộ máy lạnh hiệu Panasonic 1HP (trị giá 8.700.000đ/máy); ngày 08/12/2020, T1 dùng xe ô tô tải biển số 51D-244.23 cùng với T chiếm đoạt 01 bộ máy lạnh hiệu Panasonic 1HP(trị giá 8.700.000đ/máy). Tổng giá trị tài sản mà T1 giúp sức Thuận chiếm đoạt là 61.100.000 đồng.

Hành vi trên của Liêu Gia T đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và hành vi trên của Đỗ Văn T1 đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đối với bị cáo T1: Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo cùng gia đình đã khắc phục phần lớn thiệt hại mà bị cáo đã giúp sức bị cáo T gây thiệt hại cho ông P; bản thân bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo T: Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn T1 phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017); Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T1 từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Tuyên bố bị cáo Liêu Gia T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017); Xử phạt bị cáo Liêu Gia T từ 13 (mười ba) đến 14 (mười bốn) năm tù. Đề nghị tổng hợp hình phạt theo quy định.

- Về xử lý vật chứng: Giao số tiền 2.400.000 đồng thu giữ của bị cáo Đỗ Văn T1 để cấn trừ số tiền bị cáo T1 có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại là ông Nguyễn Văn P.

- Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thoả thuận của bị cáo T, bị cáo T1 và bị hại ông Nguyễn Văn P tại phiên toà; buộc bị cáo T1 bồi thường cho bị hại số tiền còn lại là 47.600.000 đồng, buộc bị cáo T bồi thường cho bị hại số tiền là 314.780.000 đồng.

Tại phiên toà các bị cáo thừa nhận toàn hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố và không có ý kiến tranh luận.

Tại phiên toà, bị hại ông Nguyễn Văn P yêu cầu hai bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông số tiền tổng cộng là 514.000.000 đồng theo giấy cam kết mà bị cáo Liêu Gia T đã thừa nhận nợ ông vào ngày 14/4/2021. Do bị cáo T1 đã bồi thường

cho ông số tiền 150.000.000 đồng nên nay ông tiếp tục yêu cầu bị cáo T1 bồi thường cho ông thêm 50.000.000 đồng, số tiền còn lại là 314.780.000 đồng, ông yêu cầu bị cáo T phải có trách nhiệm bồi thường cho ông. Ông đề nghị Toà án xét xử hai bị cáo bằng một hình phạt nghiêm theo quy định của pháp luật

Các bị cáo nói lời nói sau cùng là các bị cáo hối hận về hành vi của mình, xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Củ Chi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ:

Bị cáo Liêu Gia T là người làm thuê cho ông Nguyễn Văn P (cửa hàng điện máy "Hồng P"; địa chỉ: ấp C, xã T, huyện C (nay là xã C), Thành phố Hồ Chí Minh. Do cần tiền tiêu xài và chơi game, bị cáo T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của ông P, bị cáo đã dùng thủ đoạn đưa ra thông tin gian dối là có các công trình thi công tại công nghiệp Tân Phú Trung và công trình nhà xưởng ở thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh ông Nguyễn Văn P tin tưởng bị cáo; bị cáo thoả thuận mua máy lạnh và cuộn dây đồng từ cửa hàng của ông P để giao cho các công trình trên và sẽ trả tiền cho ông P sau để bị cáo hưởng chênh lệnh tiền lời. Từ ngày 14/9/2020 đến ngày 23/3/2021, bị cáo T đã nhiều lần tự mình hoặc cùng với Đỗ Văn T1 đến cửa hàng ông P lấy máy lạnh, cuộn dây đồng và ti vi để mang đi đến các của hàng điện máy khác để bán lấy tiền tiêu xài và chiếm đoạt tiền mà không trả tiền cho ông P. Cụ thể gồm: 09 (chín) bộ máy lạnh hiệu Panasonic loại 1HP, 02 (hai) bộ máy lạnh hiệu Panasonic loại 1.5HP, 09 (chín) bộ máy lạnh hiệu Daikin loại 1HP, 01 (một) bộ máy lạnh hiệu Daikin loại 1.5HP, 03 (ba) bộ máy lạnh hiệu Daikin loại 1.5HP, 03 (ba) bộ máy lạnh hiệu Daikin KC loại 1HP, 03 (ba) bộ máy lạnh hiệu Daikin KC loại 1.5HP, 01 (một) bộ máy lạnh hiệu Daikin KS loại 2HP, 01 (một) bộ máy lạnh hiệu Daikin KA loại 1HP (hàng nhập), 05 (năm) bộ máy lạnh hiệu Daikin loại 1.5HP (hàng nhập), 01 (một) cái Tivi 55 inch, hiệu Sony, 51 (năm mươi mốt) cuộn dây đồng máy lạnh loại 1HP (15m/1 cuộn), 41 (bốn mươi mốt) cuộn dây đồng máy lạnh loại 1.5HP (15m/1 cuộn). Theo Kết luận định giá tài sản trong Tố tụng hình sự số 156/KL-HĐĐGTA ngày 31/8/2021, kết luận tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 493.880.000 đồng.

Bị cáo Đỗ Văn T1 biết rõ bị cáo T có hành vi gian dối, dùng thủ đoạn đưa thông tin sai sự thật để chiếm đoạt máy lạnh, cuộn dây đồng của ông P đem bán lấy tiền tiêu xài nhưng bị cáo T1 đã giúp sức cho T thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản từ lần thứ 5 đến lần thứ 10, cụ thể gồm: 01 bộ máy lạnh hiệu Panasonic 1HP,

02 bộ máy lạnh hiệu Dakin 1HP, 01 bộ máy lạnh hiệu Panasonic 1HP, 01 bộ máy lạnh hiệu Panasonic 1HP, 01 bộ máy lạnh hiệu Panasonic, 01 bộ máy lạnh hiệu Panasonic 1HP. Theo Kết luận định giá tài sản trong Tố tụng hình sự số 156/KL-HĐĐGTA ngày 31/8/2021, tổng giá trị tài sản mà bị cáo T1 giúp sức bị cáo T chiếm đoạt là 61.100.000 đồng.

Do đó, hành vi của Liêu Gia T đủ dấu hiệu cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự và hành vi của Đỗ Văn T1 đủ dấu hiệu cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự; như đề nghị truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh là đúng người, đúng tội.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội

Các bị cáo nhận thức được việc đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt tài sản hợp pháp của công dân là bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích muốn chiếm đoạt tài sản để có tiền tiêu xài mà các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ và gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ cần áp dụng hình phạt nghiêm phù hợp, nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội, đồng thời đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung. Tuy nhiên cần xem xét tính chất và mức độ nguy hiểm trong hành vi và nhân thân của từng bị cáo để có mức hình phạt tương xứng.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

- Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ:

+ Đối với bị cáo T1: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo cùng gia đình đã khắc phục, bồi thường phần lớn thiệt hại do hành vi của bị cáo gây ra; do đó, Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

+ Đối với bị cáo T: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; do đó, Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhân thân xấu như phần lý lịch đã nêu trên và hiện đang chấp hành hình phạt tù.

- Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"phạm tội 02 lần trở lên"* theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung

Xét thấy; các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự

Công nhận sự thoả thuận của bị cáo T, bị cáo T1 và bị hại ông Nguyễn Văn P tại phiên Toà: Bị cáo T1 tiếp tục bồi thường cho ông P số tiền là 50.000.000 đồng nhưng cấn trừ số tiền tạm giữ của bị cáo T1 là 2.400.000 đồng, bị cáo T1 có nghĩa vụ bồi thường cho ông P số tiền còn lại là 47.600.000 đồng. Bị cáo T có nghĩa vụ phải bồi thường cho ông P số tiền còn lại là 314.780.000 đồng . Xét thấy, sự tự nguyện của các bị cáo và bị hại là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với các vật chứng gồm: 09 (chín) bộ máy lạnh hiệu Panasonic loại 1HP, 02 (hai) bộ máy lạnh hiệu Panasonic loại 1.5HP, 09 (chín) bộ máy lạnh hiệu Daikin loại 1HP, 01 (một) bộ máy lạnh hiệu Daikin loại 1.5HP, 03 (ba) bộ máy lạnh hiệu Daikin loại 1.5HP, 03 (ba) bộ máy lạnh hiệu Daikin KC loại 1HP, 03 (ba) bộ máy lạnh hiệu Daikin KC loại 1.5HP, 01 (một) bộ máy lạnh hiệu Daikin KS loại 2HP, 01 (một) bộ máy lạnh hiệu Daikin KA loại 1HP (hàng nhập), 05 (năm) bộ máy lạnh hiệu Daikin loại 1.5HP (hàng nhập), 01 (một) cái Tivi 55 inch, hiệu Sony, 51 (năm mươi mốt) cuộn dây đồng máy lạnh loại 1HP (15m/1 cuộn), 41 (bốn mươi mốt) cuộn dây đồng máy lạnh loại 1.5HP (15m/1 cuộn); hiện chưa thu hồi được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Đối với: 01 xe ô tô tải biển số 51D-244.23 do bị cáo T1 sử dụng để giúp sức bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình xác minh thể hiện xe trên do ông Nguyễn Mạnh H đứng tên đăng ký và sử dụng từ năm 2018 đến nay. Bị cáo T1 mượn xe ông H nhưng H không biết T1 sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra không tạm giữ chiếc xe trên và hiện ông H vẫn đang quản lý, sử dụng; Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp.

+ Đối với 01 xe máy (không rõ biển số), bị cáo T sử dụng thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T đã bán và hiện không thu hồi được; do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Xét cần buộc các bị cáo Đỗ Văn T1 phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Xét cần buộc bị cáo Liêu Gia T phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Liêu Gia T và bị cáo Đỗ Văn T1 phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản";

[1.1] Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Liêu Gia T 11 (mười một) năm tù.

Áp dụng Điều 55, 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tổng hợp hình phạt 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi", thời hạn tù tính từ ngày 24/8/2024, theo bản án số

141/2025/HS-ST ngày 29/5/2025 của Toà án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh;

Buộc bị cáo Liêu Gia T phải chấp hành hình phạt chung là 15 (mười lăm năm) 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/8/2024.

[1.2] Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T1 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

[2] Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017); Áp dụng Điều 30 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Áp dụng Điều 579, Điều 580 của Bộ luật dân sự 2015;

- Buộc bị cáo Liêu Gia T phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Văn P số tiền 314.780.000 đồng (ba trăm mười bốn triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng).

- Buộc bị cáo Đỗ Văn T1 phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Văn P số tiền 47.600.000 đồng (bốn mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng).

Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ông Nguyễn Văn P được quyền liên hệ Cơ quan Thi hành dân sự Thành phố Hồ Chí Minh để nhận lại số tiền 2.400.000 đồng (hai triệu bốn trăm nghìn đồng) do bị cáo Đỗ Văn T1 đã nộp, theo Lệnh nhập kho vật chứng số 398/LNK-ĐCSKT ngày 25/02/2025 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Củ Chi và Giấy nộp tiền ngày 24/3/2025, tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

[3] Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Áp dụng Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm;

Buộc bị cáo Liêu Gia T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 15.739.000 đồng (mười lăm triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn đồng).

Buộc bị cáo Đỗ Văn T1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 2.380.000 đồng (hai triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng).

[5] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 8 - Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ. (20b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Xuân Lan